TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH
Bản án số:19/2019/DS-ST
Ngày: 28/6/2019
V/v"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Xuân Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Thảo
Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hào -Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 30/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXX-DS ngày 29 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T , sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: 123 đường Mai Xuân T, khu vực Mai Xuân T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Vợ chồng bà Nguyễn Thị H , sinh năm: 1973 (vắng mặt)
Ông Lâm Bích K , sinh năm 1972 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: 238 Ngô Văn S , khu vực T, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.
(Bà Huỳnh Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2019 và các văn bản tố tụng khác nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày: Vào năm 2018, bà có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H - ông Lâm Bích K vay tiền cụ thể như sau: Ngày 27/02/2018(AL) bà cho vay số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay 05 tháng và ngày 20/8/2018(AL) bà cho vay tiếp số tiền 60.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất theo thỏa thuận. Tổng số tiền vay gốc là 160.000.000đ, khi vay bà H - ông K đều có viết giấy mượn tiền, từ khi vay cho đến nay chưa trả khoản tiền nào, quá hạn vay, nhiều lần bà đến đòi nợ nhưng bà H cứ hẹn dần. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà H -ông K có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc là 160.000.000đ và tiền lãi, mức lãi suất theo quy định pháp luật, thời điểm tính lãi từ ngày vay cho đến nay.

Tại bản tự khai ngày 09/5/2019 và các văn bản tố tụng khác bị đơn ông Lâm

Bích K trình bày: Vào năm 2017, vợ chồng ông nhiều lần vay tiền của bà Huỳnh Thị T, khi vay có viết giấy mượn tiền, lãi suất tự thỏa thuận miệng. Đến tháng 02/2018(AL) chốt sổ nợ, cộng tiền vay gốc và lãi ghi lại giấy mượn tiền với tổng số tiền vay là 100.000.000đ, sau đó nhiều lần vay thêm cho đến tháng 8/2018(AL) cũng cộng dồn các lần vay cả gốc và lãi và ghi giấy mượn tiền là 60.000.000đ. Nay ông xác định các chữ ký và chữ viết trong 02 giấy mượn tiền Tòa đưa xem đúng là chữ viết và chữ ký của vợ chồng ông. Sau khi viết giấy vay, vợ chồng ông trả lãi cho bà T hàng tháng, nhưng không nhớ cụ thể số tiền đã trả vì uy tín nên tin tưởng sự theo dõi trả nợ của bà Tuyết nên không có chứng cứ gì. Nay ông xác định chỉ còn nợ bà Huỳnh Thị T số tiền vay gốc là 160.000.000đ, yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đ từ nay cho đến khi hết nợ, xin khoản tiền lãi chậm trả.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/5/2019 bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Vào năm 2017 vợ chồng bà nhiều lần vay tiền của bà T , khi vay có ghi vào sổ theo dõi của bà T , đến tháng 02/2018 bà T cộng dồn cả gốc và lãi và vợ chồng bà đã ghi lại giấy mượn tiền 100.000.000đ, sau đó tiếp tục vay nhiều lần nữa và cũng phương thức cộng dồn như trên, tiếp tục ghi giấy mượn tiền 60.000.000đ, về thời gian vay có ghi trên giấy còn lãi suất theo thỏa thuận miệng, lãi trả hàng tháng, có khi chị trả 20%/tháng, việc trả tiền lãi không nhớ cụ thể số tiền lãi đã trả và trả đến thời gian nào. Nay bà xác định các chữ ký và chữ viết trong 02 giấy mượn tiền Tòa đưa xem đúng là chữ viết và chữ ký của vợ chồng bà. Nay bà chấp nhận còn nợ bà T 160.000.000đ tiền vay, yêu cầu trả dần mỗi tháng 3.000.000đ từ nay cho đến khi hết nợ, xin khoản tiền lãi chậm trả.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, tất cả các hoạt động tố tụng những người tiến hành tố tụng đều tuân theo đúng quy định của pháp luật. Còn về chấp hành pháp luật những người tham gia tố tụng thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T , buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị H - ông Lâm Bích K có trách nhiệm trả 160.000.000đ (Một trăm sáu chục triệu đồng) cho bà T , tính tiền lãi theo quy định pháp luật.

Về án phí, đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Bà Huỳnh Thị T yêu cầu vợ chồng bà H - ông K thanh toán tiền nợ vay, do đó quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vợ chồng bà H - ông K đang ở tại thị xã A, tỉnh Bình Định nên theo Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thị xã A .

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị H - ông Lâm Bích K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về yêu cầu khởi kiện :*

- Chứng cứ bà T đưa ra để yêu cầu khởi kiện là 02 giấy mượn tiền có chữ ký của vợ chồng bà H - ông K. Giấy ghi có nội dung có mượn của bà T số tiền 100.000.000đ và giấy ghi mượn số tiền 60.000.000đ, vợ chồng bà H - ông K đều xác nhận chữ ký, chữ viết trong 02 giấy trên đúng là do họ viết và ký, qua các lời trình bày đều thừa nhận còn nợ tiền vay của bà T là 160.000.000đ, không phản đối về yêu cầu của nguyên đơn, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bà H -ông K còn nợ tiền vay của bà T 160.000.000đ là có cơ sở, qua chứng cứ trên thể hiện hợp đồng vay có kỳ hạn, thỏa mãn theo quy định tại Điều 463 và Điều 470 BLDS .

-Về lãi suất: Bà H -ông K xác định thời gian qua đã trả lãi nhưng không đưa ra được các chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xác định đã trả tiền lãi. Bà T yêu cầu tính lãi suất từ thời điểm viết giấy vay cho đến nay, trường hợp này cả bà T và bà H- ông K đều xác định vay có lãi, nhưng tranh chấp về lãi suất nên áp dụng khoản 2 Điều 468 BLDS với mức lãi suất tính là 10% năm. Qua trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà T về tiền lãi được tính cụ thể như sau: Số tiền vay gốc 160.000.000đ, thời điểm tính lãi suất từ ngày 27/02/2018 (AL) tức là ngày 12/4/2018 đến ngày xét xử 28/6/2019 là 441 ngày :

$$100.000.000đ \times \frac{441 \text{ ngày} \times 10\%}{365 \text{ ngày}} = 12.082.000.đ$$

Số tiền vay gốc 60.000.000đ, thời điểm tính lãi suất từ ngày 20/8/2018 (AL) tức là ngày 29/9/2018 đến ngày xét xử là 28/6/2019 là 268 ngày :

$$60.000.000đ \times \frac{268 \text{ ngày} \times 10\%}{365 \text{ ngày}} = 4.405.000.đ$$

Số tiền lãi là: 12.082.000.đ + 4.405. 000.đ = 16.487.000.đ

Tổng cộng tiền gốc và lãi là 176.487.000.đ

[2.2] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2,3 Điều 26 tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội, vợ chồng ông K -bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là (176.487.000.đ x 5%) = 8.824.000đ

[3.] Qua đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 92,147, 271

và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 357 và Điều 463, 466,468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T , buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị H -ông Lâm Bích K phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ vay cho bà T , với số tiền là 176.487.000đ (Một trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng), trong đó tiền vay gốc là 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi là 16.487.000đ (Mười sáu triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

2. Bác yêu cầu của vợ chồng bà H -ông K xin trả dần vì bà T không chấp nhận.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng bà H-ông K phải chịu 8.824.000đ(Tám triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà T 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004562 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

4/Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự bà T và vợ chồng ông K - bà H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Bình Định
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kiều Oanh